

**TỔNG HỢP
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
1		2	3	4	5	6	7	8	9
GIÁO VIÊN									
I KHỐI MẦM NON									
1	MN-01	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Đông	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
2			4		MN Quảng Phú		B trở lên	Anh B trở lên	
3			1		MN Quảng Hợp		B trở lên	Anh B trở lên	
4			4		MN Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên	
5			5		MN Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
6			1		MN Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
7			3		MN Quảng Hưng		B trở lên	Anh B trở lên	
8			2		MN Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
9			2		MN Quảng Thanh		B trở lên	Anh B trở lên	
10			1		MN Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
11			2		MN Quảng Trường		B trở lên	Anh B trở lên	
12			1		MN Phù Hóa		B trở lên	Anh B trở lên	
13			1		MN Quảng Phương		B trở lên	Anh B trở lên	
14			3		MN Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng I			31						
II KHỐI TIỂU HỌC									
1	TH-01	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07	1	Giáo viên 9 môn	TH số 1 Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
2			3		TH số 2 Quảng Phú		B trở lên	Anh B trở lên	
3			1		TH Quảng Kim		B trở lên	Anh B trở lên	
4			1		TH số 1 Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên	
5			2		TH Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
6			1		TH Quảng Thanh		B trở lên	Anh B trở lên	
7			1		TH Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
8			1		TH Quảng Phương B		B trở lên	Anh B trở lên	
9			2		TH Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			13						
10	TH-02	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07	1	Giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội	TH số 2 Quảng Châu	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học; Giáo dục Tiểu học; Sư phạm Thể dục thể thao có chứng chỉ Đoàn-Hội-Đội.	B trở lên	Anh B trở lên	
11			1		TH Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
12			1		TH số 2 Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
13			1		TH Quảng Phương B		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			4						

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
14	TH-03	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1	Giáo viên Âm nhạc	TH Quảng Đông	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên các chuyên ngành: Âm nhạc.	B trở lên	Anh B trở lên	
15			1		TH số 1 Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
16			1		TH Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			3						
17	TH-04	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1	Giáo viên Mỹ thuật	TH Quảng Đông	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mỹ thuật.	B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			1						
18	TH-05	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.09	1	Giáo viên Thể dục	TH Quảng Kim	Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất - Quốc phòng; Thể dục; Thể dục thể thao.	B trở lên	Anh B trở lên	
19			1		TH Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			2						
Cộng II			23						
III	KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ								
1	CS-01	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Toán học	THCS Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Toán học trở lên hoặc Đại học trở lên chuyên ngành Toán học, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
2			1		THCS Quảng Kim		B trở lên	Anh B trở lên	
3			1		THCS Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
4			1		THCS Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
5			1		THCS Quảng Hưng		B trở lên	Anh B trở lên	
6			1		THCS Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
7			1		THCS Quảng Thạch		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			7						
8	CS-02	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Ngữ văn	THCS Quảng Hợp	Tốt nghiệp Đại học sư phạm: Ngữ văn; Văn - Sử trở lên hoặc Đại học trở lên các chuyên ngành: Ngữ văn; Văn - Sử, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
9			1		THCS Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
10			1		THCS Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
11			1		THCS Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
12			1		THCS Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
13			1		THCS Quảng Thạch		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			6						
14	CS-03	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Quảng Lưu	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Tiếng Anh trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Tiếng Anh, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			1						

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
15	CS-04	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Sinh học	THCS Cảnh Dương	Tốt nghiệp Đại học sư phạm Sinh học trở lên hoặc Đại học trở lên chuyên ngành Sinh học, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng	1						
16	CS-05	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Sinh - Thể	THCS Quảng Phú	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Sinh - Thể trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Sinh - Thể, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
17			1		THCS Quảng Hợp	B trở lên	Anh B trở lên		
		Cộng	2						
18	CS-06	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Toán - Lý	THCS Quảng Tùng	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Toán - Lý trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Toán - Lý, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng	1						
19	CS-07	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Toán - Tin	THCS Quảng Hưng	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Toán - Tin trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Toán - Tin, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng	1						
20	CS-08	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Lý - Tin	THCS Quảng Phú	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Lý - Tin trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Lý - Tin, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng	1						
21	CS-09	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Âm nhạc	THCS Quảng Hợp	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Âm nhạc trở lên hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành Âm nhạc, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
22			1		THCS Quảng Tùng	B trở lên	Anh B trở lên		
		Cộng	2						
23	CS-10	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Địa lý kiêm Tổng phụ trách Đội	THCS Quảng Liên	Tốt nghiệp Đại học sư phạm Địa lý trở lên, có chứng chỉ Đoàn-Hội-Đội hoặc Đại học trở lên chuyên ngành Địa lý, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ Đoàn-Hội-Đội.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng	1						

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
24	CS-11	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Thê dục	THCS Cảnh Dương	Tốt nghiệp Đại học sư phạm: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất - Quốc phòng; Thể dục; Thể dục thể thao trở lên hoặc Đại học trở lên các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất - Quốc phòng; Thể dục; Thể dục thể thao, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
25			1		THCS Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			2						
Cộng III			25						
Cộng A			79						

NHÂN VIÊN									
B									
1	YT-01	Y sỹ hạng IV; Mã số: V.08.03.07	1	Nhân viên Y tế	MN Quảng Kim	Tốt nghiệp Trung cấp Y sỹ đa khoa trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
2			1		MN Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
3			1		MN Quảng Phương		B trở lên	Anh B trở lên	
4			1		TH Quảng Đông		B trở lên	Anh B trở lên	
5			1		TH Quảng Kim		B trở lên	Anh B trở lên	
6			1		TH số 2 Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên	
7			1		TH Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
8			1		TH số 1 Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
9			1		TH Quảng Thanh		B trở lên	Anh B trở lên	
10			1		TH Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
11			1		TH Phù Hóa		B trở lên	Anh B trở lên	
12			1		TH Cảnh Hóa		B trở lên	Anh B trở lên	
13			1		TH Quảng Phương A		B trở lên	Anh B trở lên	
14			1		TH Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			14						
15	KT-01	Kế toán viên; Mã số: 06.031	1	Nhân viên Kế toán kiêm Văn thư	TH Quảng Thạch	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, có Chứng chỉ Văn phòng hoặc Chứng chỉ Hành chính-Văn thư-Lưu trữ.	B trở lên	Anh B trở lên	
16	KT-02	Kế toán viên cao đẳng; Mã số: 06.032	1	Nhân viên Kế toán	THCS Quảng Kim	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			2						

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
17	TV-01	Thư viện viên hạng IV; Mã số: V.10.02.07	1	Nhân viên Thư viện kiêm Thiết bị	TH số 2 Quảng Châu	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Thư viện-Thiết bị; Thư viện-Thông tin. Nếu tốt nghiệp các chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành Thư viện-Thiết bị hoặc Thiết bị, do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	B trở lên	Anh B trở lên	
18			1		TH Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
19	TV-02	Thư viện viên hạng IV; Mã số: V.10.02.07	1	Nhân viên Thư viện	THCS Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			3						
20	TB-01	Thiết bị, thí nghiệm; Mã số: V.07.07.20	1	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	THCS Quảng Xuân	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành: Công nghệ thiết bị trường học. Hoặc tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Khoa học tự nhiên, có Chứng chỉ Thiết bị hoặc Thiết bị, thí nghiệm.	B trở lên	Anh B trở lên	
21			1		THCS Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			2						
22	VT-01	Nhân viên Văn thư; Mã số: 02.007	1	Nhân viên Văn thư	THCS Quảng Đông	Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, hoặc tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành: Hành chính học; Quản trị nhân lực; Kế toán, có chứng chỉ Văn thư lưu trữ- Hành chính văn phòng hoặc Hành chính - Văn thư - Lưu trữ.	B trở lên	Anh B trở lên	
23			1		THCS Quảng Hợp		B trở lên	Anh B trở lên	
24			1		THCS Quảng Thạch		B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng			3						
Cộng B			24						
C	TRUNG TÂM GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT								
I	GIÁO VIÊN								
1	TT-01	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07	4	Giáo viên 9 môn	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Giáo dục đặc biệt; Giáo dục Tiểu học hoặc Sư phạm Tiểu học, có chứng chỉ giáo dục trẻ tự kỷ hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ giáo dục đặc biệt.	B trở lên	Anh B trở lên	
2	TT-02	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	2	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non, Giáo dục Mầm non hoặc Giáo dục đặc biệt, có chứng chỉ nghiệp vụ can thiệp sớm hoặc Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.	B trở lên	Anh B trở lên	

TT	Mã số đăng ký dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký xét tuyển	Vị trí việc làm đăng ký xét tuyển		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
3	TT-03	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	1	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non, Giáo dục Mầm non hoặc Giáo dục đặc biệt, có chứng chỉ nghiệp vụ can thiệp sớm hoặc Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng I	7						
II		NHÂN VIÊN							
1	TT-04	Kế toán viên; Mã số: 06.031	1	Nhân viên Kế toán	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Kế toán; Kế toán Kiểm toán; Kế toán doanh nghiệp. Có chứng chỉ nghiệp vụ can thiệp sớm, giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ.	B trở lên	Anh B trở lên	
2	TT-05	Nhân viên Giáo vụ; Mã số: V.07.07.21	2	Nhân viên Giáo vụ	TTGD trẻ khuyết tật	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm Giáo dục đặc biệt hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành: Kế toán, Hành chính học, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
3	TT-06	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV); Mã số: V.07.06.16	4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	TTGD trẻ khuyết tật	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	B trở lên	Anh B trở lên	
		Cộng II	7						
		Cộng C	14						
		Tổng cộng (A+B+C)	117	vị trí					